TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2026
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Phi;

Ông Bùi Huy Xuân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 141/CV-VKS ngày 17/03/2026 về việc không tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Căn cước công dân số 040180014773; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1978; căn cước công dân số 077078001385; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, trình bày: Bà T và ông H yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn với nhau, hôn nhân

trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng thì bà T và ông H cũng đã nhiều lần nảy sinh mâu thuẫn, tuy nhiên những lần trước đây đã tự hoà giải hàn gắn được. Đến đầu năm 2023 bà T và ông H nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được vì vậy tuy ông H và bà T sống chung nhà nhưng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống. Vì vậy nay bà T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trần Quốc A, sinh ngày 17/9/2003 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/09/2009. Nay cháu Nguyễn Trần Quốc A đã trưởng thành. Trong đơn khởi kiện bà T trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1 và bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi tham khảo ý kiến nguyện vọng của con chung thì bà T xin thay đổi nguyện vọng, cụ thể bà T đồng ý giao con chung là cháu H1 cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H, kết quả xác minh ghi nhận nội dung sau: Ông H và bà T là vợ chồng, sinh sống với nhau tại ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình chung sống tại địa phương, ông H và bà T có này sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành ghi nhận được nguyện vọng của con chung là cháu Nguyễn Gia H1, theo đó nếu ông H và bà T ly hôn thì cháu H1 có nguyện vọng được sống chung với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh H có đăng ký kết

hôn, nay bà T xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đang sinh sống tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thanh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T và ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà T trình bày thì bà T và ông H yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn với nhau, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng thì bà T và ông H cũng đã nhiều lần nảy sinh mâu thuẫn, tuy nhiên những lần trước đây đã tự hoà giải hàn gắn được. Đến đầu năm 2023 bà T và ông H này sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được vì vậy tuy ông H và bà T sống chung nhà nhưng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống. Vì vậy nay bà T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H, kết quả xác minh ghi nhận nội dung sau: Ông H và bà T là vợ chồng, sinh sống với nhau tại ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình chung sống tại địa phương, ông H và bà T có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Toà án để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do ông H vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và nội dung biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà T và ông H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trần Quốc A, sinh ngày 17/9/2003 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/09/2009. Cháu Nguyễn Trần Quốc A đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Bà T có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Gia H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của con chung cháu H1 là nếu ông H và bà T ly hôn thì cháu H1 có nguyện vọng được sống chung với ông H vì ông H có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng cháu H1.

Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn liên quan đến con chung nên căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn bà T và con chung là cháu H1, đồng thời nhận thấy ông H có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của ông H về việc cấp dưỡng, do đó không có cơ sở để buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên ghi nhận ý kiến của bà T là bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết, không ghi nhận được ý kiến của ông H về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 24/09/2009. Bà

Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006145, ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 4 năm 2026) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà T và ông H đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Bình Giã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến